

Số: 22/2024/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công;
thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm
2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài
sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản
Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 10576/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả vật tiêu hao) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An, gồm: mua sắm tài sản công trong trường hợp không phải lập thành dự án; thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và đơn vị sự nghiệp của Đảng trên địa bàn tỉnh (trừ việc mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động, thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) được thực hiện theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam. Các nội dung không quy định cụ thể tại quy định phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước (đối với cơ quan của Đảng) và quy định về quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng) tại Nghị quyết này.

4. Đối với lĩnh vực an ninh, quốc phòng, việc quyết định mua sắm tài sản

công, mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phục vụ nhiệm vụ của đơn vị trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang, quy định về mua sắm hàng hoá, dịch vụ theo pháp luật hiện hành và quy định thẩm quyền tại Nghị quyết này.

5. Nghị quyết này không quy định đối với:

a) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án. Việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

6. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành, Trung ương có quy định về thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác với quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo văn bản quy định của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành, Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Nghệ An; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập; Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là đơn vị).

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với quy định về phân

cấp kinh tế - xã hội, tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của tỉnh Nghệ An.

2. Việc quyết định mua sắm, thuê tài sản công, mua sắm hàng hóa dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Nghị quyết này phải căn cứ theo phạm vi dự toán ngân sách được giao, nguồn kinh phí hợp pháp được phép sử dụng và tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết này khi quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ phải đảm bảo tuân thủ theo các điều kiện, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời, việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

Căn cứ nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản công khác (bao gồm cả vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị mình; quyết định mua sắm các tài sản công khác (bao gồm cả vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý đối với mua sắm tài sản có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng/một lần mua sắm, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác, nguồn vốn vay, vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định mua sắm tài sản công khác (bao gồm cả vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với mua sắm tài sản có giá trị không quá 200 triệu đồng/một lần mua sắm, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) thực hiện theo quy định tại tiết c1 điểm c khoản 2 Điều 37, điểm c khoản 2 Điều 37a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí hợp pháp được phép sử dụng, thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ (không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị quyết này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị mình; quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng.

2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên), được thực hiện như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị mình; quyết định việc thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt

động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác, nguồn vốn vay, vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định thuê các tài sản khác, trừ các tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên), không bao gồm việc sử dụng tài sản gắn liền với đất, giá trị quyền sử dụng đất tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản là nhà ở công vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định khai thác các tài sản công (theo danh mục tài sản công được phép khai thác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác các tài sản công (theo danh mục tài sản công được phép khai thác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại tiết b3 điểm b khoản 4 Điều 41c

Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thu hồi tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô;
- b) Tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), trong các trường hợp:

- Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
- Điều chuyển tài sản công giữa đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã;
- Điều chuyển tài sản công giữa các huyện, thị xã, thành phố;

c) Trường hợp điều chuyển tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này giữa Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc

phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại đơn vị sự nghiệp công lập).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại đơn vị sự nghiệp công lập).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại đơn vị sự nghiệp công lập).

5. Thẩm quyền bán tài sản công hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo hình thức đấu giá

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo hình thức đấu giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản công

là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này).

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị (không bao gồm: tài sản là nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp; xe ô tô).

Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản công là: Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý các loại tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương, gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô;
- b) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý;
- c) Tài sản điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, cấp xã (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

- 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

“a) Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm c khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;”

b) Bãi bỏ Điều 5 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu